

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A; nơi cư trú: Thôn HH, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T ; nơi cư trú: Thôn HH, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06-9-2005 tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Ông bà kết hôn trong hoàn cảnh đã có gia đình và đều có con riêng. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận thời ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do ông T

thường xuyên đánh đập bà, nhiều lần bà bỏ về mẹ đẻ sinh sống, do con chung còn nhỏ nên bà cố chịu đựng về chung sống cùng ông. Tuy nhiên, ông T vẫn thường xuyên đánh đập bà nên từ đầu năm 2023 đến nay bà đã bỏ về gia đình sau đó đi làm giúp việc ở xa gia đình. Vợ chồng ông bà sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Hữu T có 01 con chung là Nguyễn Mộc QA, sinh ngày 03-7-2006. Quá trình giải quyết vụ án bà nhận nuôi con chung, nay bà đề nghị Tòa án giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, Việc cấp dưỡng nuôi con bà xin tự giải quyết với ông T.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, ông Nguyễn Hữu T xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như bà Nguyễn Thị A trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu và có một con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra xô sát, ông nóng tính có đánh bà nên bà đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ 03 lần. Từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng ông bà sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay bà An xin ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị A có 01 con chung là Nguyễn Mộc QA, sinh ngày 03-7-2006. Khi ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Ông yêu cầu bà An cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn ông Nguyễn Hữu T. Về con chung: Giao con Nguyễn Mộc QA, sinh ngày 03-7-2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng,

bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Hữu T có hộ khẩu thường trú tại Thôn HH, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Hữu T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Hữu T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 06-9-2005, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà hoà thuận thời gian đầu và có một con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay bà Nguyễn Thị A xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà đề nghị được ly hôn ông Nguyễn Hữu T. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đồng ý ly hôn với bà An. Qua xác minh thì thấy, vợ chồng bà An và ông T có mâu thuẫn, từ đầu năm 2023 đến nay, ông bà sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của bà Nguyễn Thị A xin ly hôn ông Nguyễn Hữu T phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Hữu T có 01 con chung là Nguyễn Mộc QA, sinh ngày 03-7-2006. Khi ly hôn, bà An và ông T cùng đề nghị Tòa án giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu đề nghị của ông bà, Hội đồng xét xử nhận định: Ông T và bà An đều có nơi ở và thu nhập hàng tháng, cháu Nguyễn Mộc QA, sinh ngày 03-7-2006 có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của ông bà, giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp

với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chấp nhận sự thỏa thuận của ông T và bà An, bà An có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Khoản cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn ông Nguyễn Hữu T.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mộc QA, sinh ngày 03-7-2006 cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Bà An đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001663 ngày 08-5-2023. Bà Nguyễn Thị A còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã VL huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền